

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Ngành: Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Mỹ thuật

Mã số: 8140111

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: ***Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Mỹ thuật***
 - + Tiếng Anh: Fine Arts Teaching Theory and Methods
- Mã số ngành đào tạo: 8140111
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Thời gian đào tạo: tối thiểu 2 năm đối với người tốt nghiệp Đại học.
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: ***Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Mỹ thuật***
 - + Tiếng Anh: Fine Arts Teaching Theory and Methods
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương
- Thời gian điều chỉnh chương trình đào tạo: 2023.
- Căn cứ xây dựng chương trình:
 - Căn cứ Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 06 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;
 - Căn cứ Thông tư 17/2017/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Căn cứ Quyết định số 1873/QĐ-ĐHSPNTTW ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

PHẦN II: MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung

Đào tạo những nhà khoa học có kiến thức chuyên sâu, trong lĩnh vực lý luận và phương pháp dạy học bộ môn mỹ thuật; có năng lực sư phạm đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội nói chung, của ngành giáo dục mỹ thuật nói riêng; có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề mới có ý nghĩa khoa học trong lĩnh vực mỹ thuật; có năng lực quản trị trong lĩnh vực giáo dục đào tạo mỹ thuật; có năng lực tổ chức các hoạt động mỹ thuật trong và ngoài nước; có khả năng tổ chức, hướng dẫn các hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng các nghiên cứu đó của lĩnh vực mỹ thuật vào thực tiễn.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Về kiến thức

Học viên học xong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Mỹ thuật:

- Có hệ thống kiến thức chuyên sâu, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý, học thuyết cơ bản về lý luận và phương pháp dạy học bộ môn mỹ thuật để giải quyết nhiệm vụ giáo dục nghệ thuật, đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đổi mới giáo dục, đào tạo trong xu thế hội nhập.

- Vận dụng được các kiến thức về lý luận, phương pháp dạy học bộ môn Mỹ thuật và các lĩnh vực khoa học liên quan vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn dạy học và giáo dục.

- Có kiến thức quản lý, điều hành trong nghiên cứu và phát triển giáo dục đào tạo mỹ thuật.

2.2. Về kỹ năng

- Có kỹ năng nghiên cứu độc lập, sáng tác, khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề mới, phức tạp nảy sinh trong thực tiễn thuộc lĩnh vực mỹ thuật.

- Có kỹ năng tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới trong lĩnh vực mỹ thuật và giáo dục mỹ thuật.
- Có kỹ năng tổ chức, xây dựng, vận hành hướng dẫn xây dựng kế hoạch dạy học, phương pháp dạy học mỹ thuật tại các cơ sở đào tạo.
- Có kỹ năng quản lý, điều hành trong nghiên cứu và phát triển giáo dục đào tạo mỹ thuật.

2.3. Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

- Có khả năng tự chủ và chịu trách nhiệm để có thể tự định hướng phát triển năng lực chuyên môn, để có thể tự học, tự nghiên cứu suốt đời; năng lực xây dựng, thẩm định kế hoạch trong quản lý và hoạt động chuyên môn; năng lực dẫn dắt chuyên môn với đồng nghiệp để xử lý những vấn đề lớn trong lĩnh vực lý luận và phương pháp dạy học mỹ thuật.
- Lựa chọn được những phương pháp, phương tiện và hình thức phù hợp, hiệu quả trong thực hiện các tiêu chuẩn nghề nghiệp, từ đó, hướng dẫn được người khác thực hiện các tiêu chuẩn nghề nghiệp.
- Tự điều chỉnh được bản thân trong hoạt động học tập, bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp trên cơ sở tự đánh giá.

PHẦN III. CHUẨN ĐẦU VÀO VÀ THÔNG TIN TUYỂN SINH

1. Chuẩn đầu vào

Người dự tuyển vào chương trình đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Mỹ thuật phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực lý luận và phương pháp dạy học bộ môn mỹ thuật.
- Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn mỹ thuật phải học có chứng nhận đã hoàn thành bổ sung kiến thức của chương trình đại học trước khi dự thi.

- Đạt trình độ ngoại ngữ quy chế quy định tại Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nếu người dự tuyển chưa đáp ứng yêu cầu này thì phải tham gia thi đánh giá năng lực ngoại ngữ do Nhà trường tổ chức khi thi tuyển đầu vào.

2. Thông tin tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Người đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên), hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực LL&PPDHBM Mỹ thuật các ngành đúng, ngành gần và ngành khác phù hợp với ngành LL&PPDHBM Mỹ thuật.

- Phương thức tuyển sinh: Thi tuyển

+ Môn thi cơ sở: Hình hoạ

+ Môn thi cơ bản: Kiến thức mỹ thuật tổng hợp

+ Môn Ngoại ngữ

- Dự kiến quy mô tuyển sinh: 100 học viên/năm

PHẦN IV: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mã CDR	Chi tiết
	CDR - Kiến thức
KT1	Có hệ thống tri thức khoa học về mỹ thuật vững vàng và những kiến thức chuyên sâu về ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Mỹ thuật trong thực hiện các tiêu chuẩn nghề nghiệp.
KT2	Phân tích, tổng hợp được kiến thức chuyên sâu, tiên tiến và toàn diện về khoa học giáo dục mỹ thuật; phương pháp luận nghiên cứu khoa học mỹ thuật, hướng dẫn nghiên cứu khoa học và quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học mỹ thuật.
KT3	Sử dụng các nguồn tài nguyên đa dạng (sách, thông tin truyền thông...), các phương pháp, kỹ thuật phù hợp trong hoạt động học tập, bồi dưỡng và phát triển nghề nghiệp.

KT4	Đánh giá được các vấn đề cơ bản của giáo dục, dạy học trong từng giai đoạn cụ thể và giai đoạn hiện tại, nghiên cứu và đề xuất phương hướng đổi mới hoạt động dạy học và các hoạt động giáo dục mỹ thuật.
KT5	Sáng tạo nền tảng vững chắc về lý luận và phương pháp dạy học mỹ thuật để phát triển kỹ năng nghiên cứu khoa học mỹ thuật và giáo dục mỹ thuật gắn liền với những nghiên cứu chuyên sâu dựa trên chuyên môn Lý luận và phương pháp dạy học mỹ thuật.
KT6	Thực hiện thành công luận văn thể hiện tính mới, có đóng góp về lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị trong phát triển, gia tăng kiến thức khoa học giáo dục nói chung, kiến thức về lý luận dạy học Mỹ thuật. Kết quả luận án có giá trị đối với lĩnh vực giáo dục, dạy học về Mỹ thuật và thực tiễn để tạo ra sự thay đổi.
	CĐR - Kỹ năng
KN1	Có kỹ năng phát hiện, giải quyết và làm chủ những vấn đề trong lĩnh vực giảng dạy mỹ thuật.
KN2	Có kỹ năng phản biện, phê phán và đưa ra các biện pháp xử lý khác nhau trong lĩnh vực Lý luận và phương pháp dạy học mỹ thuật.
KN3	Có khả năng nghiên cứu độc lập, khả năng xây dựng và phát triển chương trình giáo dục mỹ thuật, biết vận dụng nhuần nhuyễn kiến thức và các phương pháp mỹ thuật học vào việc phát hiện, suy luận và giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn hoạt động mỹ thuật và phương pháp dạy học mỹ thuật một cách sáng tạo.
KN4	Có khả năng thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong hoạt động chuyên môn; có năng lực tổng hợp trí tuệ tập thể, dẫn dắt chuyên môn để xử lý các vấn đề quy mô khu vực và quốc tế về lĩnh vực mỹ thuật.

KN5	Phát huy tinh thần tự học và phát triển tư duy sáng tạo của Học viên, coi trọng sự rèn luyện về phương pháp và thói quen nghiên cứu khoa học của HV.
	CDR - Mức tự chủ và trách nhiệm
TC1	Tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao.
TC2	Đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ.
TC3	Có khả năng bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn
TC4	Năng lực xây dựng, thẩm định kế hoạch, phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; công bố kết quả nghiên cứu theo chuẩn quốc tế.
TC5	Nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao; có khả năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề lớn.
TC6	Thực hiện tốt các chuẩn mực pháp luật, đạo đức nhà giáo, nghiên cứu khoa học giáo dục Mỹ thuật. Có ý thức tự nghiên cứu và tự học tập suốt đời.

PHẦN V. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Làm công tác giảng dạy mỹ thuật tại các trường phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học hoặc các học viện và viện nghiên cứu mỹ thuật.
- Làm công tác nghiên cứu ở các tổ chức, cơ quan về mỹ thuật, các cơ sở đào tạo đặc biệt về lĩnh vực mỹ thuật, Lý luận và phương pháp dạy học mỹ thuật.
- Làm những công việc liên quan đến những vấn đề khác nhau thuộc khối văn hóa nghệ thuật.
- Làm việc tại các tổ chức trong nước, liên kết và hợp tác nước ngoài có liên quan đến lĩnh vực mỹ thuật.

PHẦN VI. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ CỦA NGƯỜI HỌC SAU KHI TỐT NGHIỆP

Học viên tốt nghiệp bậc đào tạo thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Mỹ thuật có năng lực tiếp tục học tập và nghiên cứu Tiến sĩ tại các Trường Đại học, các Viện nghiên cứu trong và ngoài nước. Có khả năng không ngừng học tập và nâng cao trình độ trong lĩnh vực chuyên môn và các lĩnh vực chuyên ngành liên quan khác.

PHẦN VII: MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Các học phần trong chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra															
	Kiến thức						Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm				
	Từ 1 đến 6						Từ 1 đến 5					Từ 1 đến đến 6				
	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KT6	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	TC1	TC2	TC3	TC4	TC5
Triết học	4	5	5	4	5	3	2	5	5	4	5			6	5	5
Tiếng Anh			1	2				3	3	2	1			3	3	
Lý luận dạy học		4	3	6					6	4	6		2	5	5	
Tâm lý học giáo dục nghệ thuật			2	3					3	2		3				
Workshop - nghiên cứu chuyên đề			2	3	3			3	2					2	3	1
Thực tế chuyên môn			2	2					2	2				2		
Nghệ thuật sơn dầu			2	3	1				2	3	3			3	3	
Nghệ thuật tranh lụa	2	2	3	2	3	1		3	3	2	2	3	3	2	3	2

Nghệ thuật tranh khắc			2	3	2				2	2	3			3	3	
Mỹ thuật kết nối cộng đồng			2	3	3				4	4	3			2	4	4
Nghệ thuật tranh in độc bản		2	3	3	2			2	3	3	1		1	3	2	3
Các khuynh hướng phát triển của mỹ thuật đương đại		2	3	3	1			1	3	3			2	3	3	
Nghệ thuật sơn mài		2	3	2	1			2	3	3	2	1	2	2	3	2
Các chuyên đề giáo dục nghệ thuật		2	3	3				1	3	2				3	3	2
Phương pháp kiểm tra, đánh giá trong dạy học Mỹ thuật		2	4	4	2				4	3	3		3	4	4	2
Phương pháp NCKH Giáo dục Mỹ thuật			2	3	4				2	3	4			3	4	
Phương pháp dạy học chuyên ngành			3	3	3	3			4	2	2	1	3	4	4	2

Nghệ thuật đương đại		3	4	2	3				4	4	3		3	3	2	
Hình họa nâng cao			3	3	2		1	2	3	3			1	3	3	2
Luận văn và tranh tốt nghiệp		3	3	3				1	3	3				3	3	2

PHẦN VIII: CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 62 tín chỉ

I.1. Khối kiến thức chung: 7 tín chỉ

I.2. Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành: 31 tín chỉ

- Các học phần bắt buộc: 20 tín chỉ

- Các học phần tự chọn: 11/21 tín chỉ

1.3. Nghiên cứu khoa học, luận văn và tranh tốt nghiệp: 24 tín chỉ

- Chuyên đề nghiên cứu: 12 tín chỉ

- Luận văn và tranh tốt nghiệp: 12 tín chỉ

2. Cấu trúc chương trình đào tạo

Số TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Học phần tiên quyết	Ghi chú
				<i>Giảng lý thuyết</i>	<i>Hướng dẫn học tập</i>	<i>Tự học, tự nghiên cứu....</i>		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
I		Khối kiến thức chung	07					
1	SGS3001	Triết học	4	55	5	140	Không	
2	SGS3002	Tiếng Anh	3	35	10	105	Không	
II		Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành	20					
II.1		Bắt buộc	8					
		Kiến thức cơ sở	8					
3	SGS3101	Lý luận dạy học	3	35	10	105	Không	
4	SGS3102	Tâm lý giáo dục nghệ thuật	2	25	5	70	Không	

5	SGS3201	Workshop - nghiên cứu chuyên đề	3	35	5	105	Không	
		Kiến thức chuyên ngành	12					
6	SGS3202	Thực tế chuyên môn	6	10	80	210	Không	
7	SGS3203	Nghệ thuật sơn dầu	3	5	40	105	Không	
8	SGS3204	Nghệ thuật tranh lụa	3	5	40	105	Không	
		Các học phần tự chọn	11/21					
9	SGS3205	Nghệ thuật tranh khắc	3	5	40	105	Không	
10	SGS3206	Mỹ thuật kết nối cộng đồng	3					
11	SGS3207	Nghệ thuật tranh in độc bản	3	5	40	105	Không	
12	SGS3208	Các khuynh hướng phát triển của mỹ thuật đương đại	3	40	5	105	Không	
13	SGS3209	Nghệ thuật sơn mài	3	5	40	105	Không	
14	SGS3210	Các chuyên đề giáo dục nghệ thuật	2	25	5	70	Không	
15	SGS3211	Phương pháp kiểm tra, đánh giá trong dạy học Mỹ thuật	3	40	5	105	Không	
III		Nghiên cứu khoa học và luận văn	24					
		Chuyên đề nghiên cứu	12					

16	SGS3212	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mỹ thuật	3	40	5	105	Không	
17	SGS3213	Phương pháp dạy học chuyên ngành	3	40	5	105	Không	
18	SGS3214	Nghệ thuật đương đại	3	35	10	105	Không	
19	SGS3215	Hình họa nâng cao	3	5	40	105	Không	
		<i>Luyện văn, tranh tốt nghiệp</i>	<i>12</i>					
Tổng số			62					

3. Tóm tắt nội dung các học phần

1. SGS3001, Triết học (4 tín chỉ)

+ **Học phần tiên quyết:** Không

+ **Tóm tắt nội dung học phần:**

Triết học là học phần của khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo. Học phần gồm 4 tín chỉ.

Học phần Triết học nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về phân môn triết học như: Triết học và vai trò của triết học; lịch sử triết học thế giới và lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam; chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật; chủ nghĩa duy vật lịch sử. Qua đó, thấy được tính tất yếu của sự quá độ đi lên CNXH tại Việt Nam.

2. SGS3002, Tiếng Anh (3 tín chỉ)

+ **Học phần tiên quyết:** Không

+ **Tóm tắt nội dung học phần:**

Tiếng Anh là học phần của khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo. Học phần gồm 3 tín chỉ.

Học phần cung cấp những kiến thức tiếng Anh cơ bản về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng và cấu trúc câu nhằm giúp học viên hoàn thiện bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết ở mức độ lưu loát, để từ đó học viên có thể ứng dụng vào học tập, công tác nghiên cứu và giảng dạy. Học viên có thể hiểu được các ý chính của một diễn ngôn tiêu chuẩn và xử lý được hầu hết các tình huống liên quan đến chủ điểm trong công việc, trường

học, giải trí,... ; Có thể xử lý các tình huống đơn giản khi đi đến nơi sử dụng ngôn ngữ; Có khả năng viết đơn giản nhưng liên kết về các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm; Có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng và hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích cho ý kiến và kế hoạch của bản thân.

3. SGS3101, Lý luận dạy học (3 tín chỉ)

+ **Học phần tiên quyết:** Không

+ **Tóm tắt nội dung học phần:**

Lý luận dạy học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở trong chương trình đào tạo. Học phần gồm 2 tín chỉ.

Học viên nắm được kiến thức, nội dung, phương pháp (PP) dạy học của Lý luận dạy học. Học viên vận dụng được những kiến thức về nội dung, PPDH của Lý luận dạy học đại học vào tổ chức thực hiện, giải quyết những vấn đề có liên quan tới dạy học và giáo dục mỹ thuật trong hệ thống các nhà trường; nâng cao năng lực nghề thông qua tổ chức các hoạt động dạy học mỹ thuật trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

4. SGS3102, Tâm lý giáo dục nghệ thuật (2 tín chỉ)

+ **Học phần tiên quyết:** Không

+ **Tóm tắt nội dung học phần:**

Tâm lý giáo dục nghệ thuật là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở trong chương trình đào tạo. Học phần gồm 2 tín chỉ.

Học phần Tâm lý học Giáo dục nghệ thuật cung cấp cho học viên góc nhìn của Tâm lý học về nghệ thuật, đồng thời giúp học viên tiếp cận được với các xu hướng Tâm lý học trong nghiên cứu nghệ thuật. Học phần Tâm lý học Giáo dục nghệ thuật giúp học viên hiểu được những yếu tố tâm lý cơ bản trong sáng tạo nghệ thuật. Học phần cung cấp cho học viên khái niệm và các phẩm chất của nhân cách sáng tạo của người nghệ sỹ cũng như các giải pháp phát triển năng lực sáng tạo.

5. SGS3201, Workshop - nghiên cứu chuyên đề (2 tín chỉ)

+ **Học phần tiên quyết:** Không

+ **Tóm tắt nội dung học phần:**

Workshop - nghiên cứu chuyên đề là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở trong chương trình đào tạo. Học phần gồm 2 tín chỉ.

Học phần bao gồm cả lý thuyết và thực hành, trong đó học viên được tham gia thực hiện một dự án nghiên cứu thực tế cụ thể, có sản phẩm báo cáo sau khi đã được

bổ trợ các phương pháp nghiên cứu phù hợp với nội dung dự án, bổ trợ kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác liên ngành. Tùy theo tình hình thực tế mỗi năm, dự án có thể có sự hợp tác với doanh nghiệp tư nhân hoặc cơ quan nhà nước chủ quản, hoặc các nhiệm vụ nghiên cứu do nhà trường hoặc chính học viên tự đặt ra, có thể có sự hợp tác với các cơ sở đào tạo khác ngoài trường.

6. SGS3202, Thực tế chuyên môn (6 tín chỉ)

+ **Học phần tiên quyết:** Không

+ **Tóm tắt nội dung học phần:**

Thực tế chuyên môn là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo. Học phần gồm 6 tín chỉ.

Thực tế chuyên môn là môn học cung cấp cho học viên những kiến thức thực tế, cơ bản nhất mà trong chương trình học tập ở trên lớp đề cập chưa đầy đủ đến học viên. Thực tế chuyên môn đề cập tới các vấn đề/ công đoạn: chuẩn bị, đi, nghe, quan sát, trao đổi, ghi chép, làm bài... như thế nào; về vấn đề gì của chuyên ngành ở một địa phương/khu vực/vùng/ miền mà học viên đặc biệt quan tâm và phải thực hiện; xử lý các tình huống xảy ra ngoài ý muốn trong chuyến đi...

7. SGS3203, Nghệ thuật sơn dầu (3 tín chỉ)

+ **Học phần tiên quyết:** Không

+ **Tóm tắt nội dung học phần:**

Nghệ thuật sơn dầu là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo. Học phần gồm 3 tín chỉ.

Học phần nhằm củng cố, nâng cao kiến thức, kỹ năng, kỹ thuật cho học viên trong việc sáng tác bằng chất liệu sơn dầu. Bao gồm các nội dung: lựa chọn chất liệu, xây dựng ý tưởng, nội dung, hình thức thể hiện, nghiên cứu, xây dựng phác thảo bố cục... hình khối, không gian, ánh sáng... trong hệ thống hình họa ; từ đó, phát triển, nâng cao những yếu tố cơ bản trong nghiên cứu hình để tạo dựng bài hình họa bằng chất liệu sơn dầu.

7. SGS3204, Nghệ thuật tranh lụa (3 tín chỉ)

+ **Học phần tiên quyết:** Không

+ **Tóm tắt nội dung học phần:**

Nghệ thuật tranh lụa là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo. Học phần gồm 3 tín chỉ.

Học phần nhằm củng cố, nâng cao kiến thức, kỹ năng, kỹ thuật cho học viên trong việc sáng tác bằng chất liệu lụa. Bao gồm các nội dung: lựa chọn chất liệu, xây dựng ý tưởng, nội dung, hình thức thể hiện, nghiên cứu, xây dựng phác thảo bố cục... hình khối, không gian, ánh sáng... trong hệ thống hình họa ; từ đó, phát triển, nâng cao những yếu tố cơ bản trong nghiên cứu hình để tạo dựng bài hình họa bằng chất liệu lụa.

8. SGS3205, Nghệ thuật tranh khắc (3 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Nghệ thuật tranh khắc là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành trong chương trình đào tạo. Học phần gồm 3 tín chỉ.

Học phần giúp học viên thực hiện tốt các kỹ thuật trên chất liệu gỗ để sáng tác tác phẩm khắc gỗ. Các nội dung kiến thức và kỹ năng được thực hành về chất liệu cụ thể như: chọn chất liệu, phương pháp khắc gỗ...xây dựng ý tưởng, nội dung, hình thức thể hiện, nghiên cứu, xây dựng phác thảo bố cục...; từ đó, phát triển, nâng cao những yếu tố cơ bản trong nghiên cứu hình để tạo dựng bài hình họa bằng chất liệu gỗ

9. SGS3206, Mỹ thuật kết nối cộng đồng (3 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Mỹ thuật kết nối cộng đồng là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành trong chương trình đào tạo. Học phần gồm 3 tín chỉ.

Học phần giúp học viên kiến thức về nghệ thuật kết nối cộng đồng, biết khai thác vận dụng trong sáng tạo ứng dụng vào đời sống thực tế và công việc chuyên môn; Xây dựng kiến thức về nghệ thuật kết nối văn hóa, lịch sử, thẩm mỹ, môi trường, nghệ thuật tạo hình, Có kỹ năng triển khai xây dựng các đề án và thực hành, giáo dục tri thức thông qua sản phẩm nghệ thuật công cộng, nghệ thuật truyền thống. Từ đó, vận dụng kiến thức hiểu biết về giá trị nghệ thuật truyền thống, nghệ thuật hiện đại của Việt Nam và Thế giới áp dụng vào nghiên cứu, sáng tạo vào các bài dạy học và sáng tác.

9. SGS3207, Nghệ thuật tranh in độc bản (3 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Nghệ thuật tranh in độc bản là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành trong chương trình đào tạo. Học phần gồm 3 tín chỉ.

Học phần giúp học viên thực hiện tốt các kỹ thuật trên chất liệu gỗ để sáng tác tác phẩm in độc bản. Các nội dung kiến thức và kỹ năng được thực hành về chất liệu cụ thể như: chọn chất liệu, sử dụng công nghệ, phương pháp khắc gỗ...xây dựng ý tưởng, nội dung, hình thức thể hiện, nghiên cứu, xây dựng phác thảo bố cục... từ đó, phát triển, nâng cao những yếu tố cơ bản trong nghiên cứu hình để tạo dựng bài in độc bản.

10. SGS3208, Các khuynh hướng phát triển của mỹ thuật đương đại (3 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Các khuynh hướng phát triển của mỹ thuật đương đại là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành trong chương trình đào tạo. Học phần gồm 3 tín chỉ.

Học phần cung cấp cho HV những kiến thức chuyên sâu về các khuynh hướng phát triển của mỹ thuật đương đại qua bối cảnh phát triển của mỹ thuật đương đại, hệ sinh thái của mỹ thuật đương đại và một số chủ đề phổ biến trong các tác phẩm mỹ thuật đương đại. Giúp cho HV hiểu biết về một số khuynh hướng phát triển của mỹ thuật đương đại qua nhận diện các khuynh hướng vận động và phát triển mỹ thuật đương đại và biểu hiện của các khuynh hướng qua các dạng thức thực hành của nghệ thuật đương đại. HV có những trải nghiệm để tìm hiểu về khuynh hướng phát triển của nghệ thuật đương đại trong thực tiễn ở Việt Nam qua bối cảnh văn hóa xã hội, thiết chế cho lĩnh vực mỹ thuật đương đại Việt Nam và một số khuynh hướng phát triển của mỹ thuật đương đại Việt Nam.

11. SGS3209, Nghệ thuật sơn mài (2 tín chỉ)

+ Học phần tiên quyết: Không

+ Tóm tắt nội dung học phần:

Nghệ thuật sơn mài là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành trong chương trình đào tạo. Học phần gồm 3 tín chỉ.

Học phần nhằm củng cố, nâng cao kiến thức, kỹ năng, kỹ thuật cho học viên trong việc sáng tác bằng chất liệu sơn mài. Bao gồm các nội dung: lựa chọn chất liệu, xây dựng ý tưởng, nội dung, hình thức thể hiện, nghiên cứu, xây dựng phác thảo bố

cục... hình khối, không gian, ánh sáng... trong hệ thống hình họa ; từ đó, phát triển, nâng cao những yếu tố cơ bản trong nghiên cứu hình để tạo dựng bài hình họa bằng chất liệu sơn mài.

12. SGS3210, Các chuyên đề giáo dục nghệ thuật (2 tín chỉ)

+ **Học phần tiên quyết:** Không

+ **Tóm tắt nội dung học phần:**

Các chuyên đề giáo dục nghệ thuật là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành trong chương trình đào tạo. Học phần gồm 2 tín chỉ.

Học phần *Các chuyên đề về giáo dục nghệ thuật* giới thiệu cho học viên những kiến thức đa dạng về giáo dục nghệ thuật qua nhiều nội dung khác nhau. Phần Tổng quan giáo dục nghệ thuật trình bày lược sử giáo dục nghệ thuật Việt Nam, thế giới, trong đó tập trung vào quá trình hình thành, phát triển giáo dục nghệ thuật; mục đích, ý nghĩa; chức năng, vai trò; mối quan hệ biện chứng giữa nghệ thuật, môi trường giáo dục. Qua đó, học viên hiểu rõ tầm quan trọng chủ trương, chính sách giáo dục nghệ thuật Việt Nam. Học phần *Các chuyên đề về giáo dục nghệ thuật* đi sâu giải thích thuật ngữ, quan điểm, lý thuyết giáo dục nghệ thuật, nêu sự khác biệt 2 thuật ngữ Education of Arts, Art Education; giải thích lĩnh vực nghệ thuật chuyên nghiệp, đại chúng

13. SGS3211, Phương pháp kiểm tra, đánh giá trong dạy học mỹ thuật (3 tín chỉ)

+ **Học phần tiên quyết:** Không

+ **Tóm tắt nội dung học phần:**

Phương pháp kiểm tra, đánh giá trong dạy học mỹ thuật là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành trong chương trình đào tạo. Học phần gồm 3 tín chỉ.

Học phần giúp người học làm rõ được những vấn đề chung của phương pháp kiểm tra, đánh giá trong dạy học mỹ thuật ; Xác định được các phương pháp kiểm tra, đánh giá đặc thù trong dạy học mỹ thuật ; Hiểu được vai trò của việc kiểm tra, đánh giá trong dạy học mỹ thuật ; Nắm được sự đổi mới trong phương pháp kiểm tra, đánh giá trong dạy học mỹ thuật hiện nay.

14. SGS32012, Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mỹ thuật (3 tín chỉ)

+ **Học phần tiên quyết:** Không

+ **Tóm tắt nội dung học phần:**

Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mỹ thuật là chuyên đề nghiên cứu bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học phần gồm 3 tín chỉ.

Học phần tranh bị cho người học những kiến thức và kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục Mỹ thuật, bao gồm các khái niệm, hệ thống kỹ năng, các cơ sở của phương pháp NCKH, các phương pháp NCKH giáo dục mỹ thuật... , quy trình nghiên cứu một đề tài khoa học thuộc chuyên ngành mỹ thuật. Để từ đó, người học áp dụng kiến thức môn học vào nghiên cứu khoa học và thực hiện luận văn tốt nghiệp.

15. SGS32013, Phương pháp dạy học chuyên ngành (3 tín chỉ)

+ **Học phần tiên quyết:** Không

+ **Tóm tắt nội dung học phần:**

Phương pháp dạy học chuyên ngành là chuyên đề nghiên cứu bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học phần gồm 3 tín chỉ.

Sau khi học xong học phần Phương pháp dạy học chuyên ngành, học viên vận dụng được kiến thức lý luận về các phương pháp dạy học một các môn, phân môn chuyên ngành ở các trường phổ thông, các trường đào tạo nghệ thuật, sư phạm nghệ thuật... HV nhận thức được vai trò của phương pháp dạy học đối với các môn học chuyên ngành, đặc biệt là các môn mang tính thực hành cao; xác định được vai trò của môn học, biết tự chủ trong học tập và nghiên cứu.

16. SGS32014, Nghệ thuật đương đại (3 tín chỉ)

+ **Học phần tiên quyết:** Không

+ **Tóm tắt nội dung học phần:**

Nghệ thuật đương đại là chuyên đề nghiên cứu bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học phần gồm 3 tín chỉ.

Nghệ Thuật đương đại là môn học cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản nhất, về về sự hình thành và lan tỏa của nghệ thuật đương đại ở các lĩnh vực nghiên cứu và phê bình; quá trình phát triển; về phong cách, quan điểm thẩm mỹ, ngôn ngữ loại hình, cũng như sự hình thành các trào của nghệ thuật đương đại nói chung và Mỹ thuật đương đại nói riêng.

Môn học nhằm trang bị cho học viên kỹ năng tư duy nghiên cứu; biết vận dụng, phân tích, tổng hợp, so sánh và hệ thống trong nghiên cứu. Đồng thời, môn học cũng

giúp học viên nhận thức đúng về sự hình thành và phát triển của nghệ thuật đương đại ở thế giới và Việt Nam.

17. SGS32015, Hình họa nâng cao (3 tín chỉ)

+ **Học phần tiên quyết:** Không

+ **Tóm tắt nội dung học phần:**

Hình họa nâng cao là chuyên đề nghiên cứu bắt buộc trong chương trình đào tạo. Học phần gồm 3 tín chỉ.

Học phần nhằm củng cố kiến thức về cấu trúc hình thể, hình khối, không gian, ánh sáng... trong hệ thống hình họa mẫu toàn thân nam, nữ; từ đó, phát triển, nâng cao những yếu tố cơ bản trong nghiên cứu hình để tạo dựng bài hình họa bằng chất liệu sơn dầu và than.

4. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

- Việc thực hiện chương trình đào tạo chuyên ngành LL&PPDHBM Mỹ thuật phải căn cứ theo hướng dẫn tại Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường ĐHSP Nghệ thuật TW.

- Thời gian phân bổ cho chương trình đào tạo áp dụng với 1 khóa học cụ thể phải dựa trên điều kiện thực tế của khóa học.

- Dự kiến kế hoạch đào tạo được phân bổ như sau:

Nội dung thực hiện	Số tín chỉ	Kế hoạch thực hiện
Khối kiến thức chung	7	Học kỳ I
Triết học	4	
Tiếng Anh	3	
Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành	31	Học kỳ I, II, III
Bắt buộc	31	
Kiến thức cơ sở	20	

Lý luận dạy học	8	
Tâm lý giáo dục nghệ thuật	3	
Workshop - nghiên cứu chuyên đề	2	
Kiến thức chuyên ngành	3	
Thực tế chuyên môn	12	
Nghệ thuật sơn dầu	6	
Nghệ thuật tranh lụa	3	
Các học phần tự chọn	11/21	
Nghệ thuật tranh khắc	3	
Mỹ thuật kết nối cộng đồng	3	
Nghệ thuật tranh in độc bản	3	
Các khuynh hướng phát triển của mỹ thuật đương đại	3	
Nghệ thuật sơn mài	3	
Các chuyên đề giáo dục nghệ thuật	2	
Phương pháp kiểm tra, đánh giá trong dạy học Mỹ thuật	3	
Nghiên cứu khoa học và luận văn	24	
Chuyên đề nghiên cứu	12	
Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mỹ thuật	3	Học kỳ I
Phương pháp dạy học chuyên ngành	3	Học kỳ II
Nghệ thuật đương đại	3	Học kỳ III

Hình họa nâng cao	3	Học kỳ IV
Luận văn tốt nghiệp	12	Học kỳ IV

5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế tham khảo

** Đại học Nghệ thuật Helsinki, Thụy Điển, Phần Lan (University of the Arts Helsinki)*

Thời gian: 4 năm, toàn thời gian.

Đại học Nghệ thuật Helsinki (Uniarts Helsinki) cung cấp nền giáo dục cao nhất về mỹ thuật, âm nhạc, khiêu vũ và sân khấu trong một môi trường đa ngành đầy cảm hứng.

Các chương trình tuyển chọn đa dạng của Uniarts Helsinki trong lĩnh vực nghệ thuật và đối thoại hiệu quả giữa giảng dạy và nghiên cứu làm cho trường đại học trở nên độc đáo trên quy mô quốc tế.

Uniarts Helsinki mang đến một môi trường học tập đầy cảm hứng và đa ngành, đồng thời là bước đệm cho những nghệ sĩ tương lai. Cung cấp chương trình giáo dục chất lượng cao, coi trọng nhu cầu cá nhân của học sinh, khuyến khích học sinh trau dồi kỹ năng, suy nghĩ độc lập và vượt qua ranh giới.

Tại trường đại học, sinh viên có cơ hội nâng cao chuyên môn của mình trong một môi trường mà các lĩnh vực nghệ thuật khác nhau có thể ảnh hưởng lẫn nhau.

Đại học Nghệ thuật Helsinki hình thành khi Học viện Mỹ thuật, Học viện Sibelius và Học viện Sân khấu hợp nhất vào năm 2013.

Tại Uniarts Helsinki, có thể học lấy bằng Cử nhân hoặc Thạc sĩ hoặc Tiến sĩ. Chương trình đào tạo cung cấp một loạt các chương trình cấp bằng về âm nhạc, mỹ thuật, sân khấu và khiêu vũ. Nhiều chương trình được giảng dạy bằng tiếng Anh.

Nghiên cứu là một trong những hoạt động cốt lõi tại Uniarts Helsinki. Nó tập trung vào nghệ thuật và sự phạm nghệ thuật, và có thể là nghệ thuật hoặc phát triển. Uniarts Helsinki thực hiện nghiên cứu học thuật và nghệ thuật được quốc tế ca ngợi có tác động đến xã hội. Tính chất đặc biệt của các nghiên cứu

được thực hiện tại trường đại học là dựa trên sự tương tác trực tiếp và phong phú giữa nghiên cứu và nghệ thuật. Uniarts Helsinki đầu tư vào nghiên cứu đặc biệt trong ba lĩnh vực chính của nó, đó là lịch sử âm nhạc, nghiên cứu nghệ thuật và giáo dục nghệ thuật.

PHẦN IX: GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy				Ghi chú
				Họ và tên	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo (Ghi theo văn bằng tốt nghiệp)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	
1	SGS3001	Triết học	4	Đỗ Lan Hiền Đinh Văn Hoàng	PGS, 2011	TS, 2001 ThS, 2011	Triết học Triết học	
2	SGS3002	Tiếng Anh	3	Nguyễn Thị Thanh Dung Trịnh Thị Hà		TS, 2017 ThS, 2010	Tiếng Anh Tiếng Anh	
3	SGS3101	Lý luận dạy học	2	1. Quách Ngọc An 2. Nguyễn Thị Thu Hằng	1. PGS, 2019	1. Tiến sĩ, 2015 2. Tiến sĩ, 2021	1. Văn hoá học 2. QLGD	
4	SGS3102	Tâm lý giáo dục nghệ thuật	2	1. Nguyễn Mai Hương 2. Lương Thanh Hải		1. Tiến sĩ, 2016 2. Tiến sĩ, 2017	1. Tâm lý học 2. Tâm lý học	
5	SGS3201	Workshop - nghiên cứu chuyên đề	3	1. Nguyễn Thị Minh Ngọc 2. Nguyễn Thị Thu Hằng		1. Tiến sĩ, 2023 2. Tiến sĩ, 2021	1. Nghệ thuật học 2. Khoa học giáo dục	

6	SGS3202	Thực tế chuyên môn	6	1. Nguyễn Thị Minh Ngọc 2. Phạm Minh Phong	2. PGS, 2021	1. Tiến sĩ, 2023 2. Tiến sĩ, 2016	1. LL &LSMT 2. Nghệ thuật học	
7	SGS3203	Nghệ thuật sơn dầu	3	1. Nguyễn Văn Cường 2. Phạm Minh Phong	1. PGS, 2020 2. PGS, 2021	1. Tiến sĩ, 2017 2. Tiến sĩ, 2016	1. Văn hoá học 2. Nghệ thuật học	
8	SGS3204	Nghệ thuật tranh lụa	3	1. Nguyễn Văn Cường 2. Nguyễn Thị Minh Ngọc	1. PGS, 2020	1. Tiến sĩ, 2017 2. Tiến sĩ	1. Văn hoá học 2. LL &LSMT	
9	SGS3205	Nghệ thuật tranh khắc	3	1. Nguyễn Thị May 2. Nguyễn Đức Lân		1. Thạc sĩ, 2008 2. Thạc sĩ	1. Hội hoạ 2. Đồ hoạ	
10	SGS3206	Mỹ thuật kết nối cộng đồng	3	1. Phạm Minh Phong 2. Nguyễn Thị Minh Ngọc	1. PGS, 2021	1. Tiến sĩ, 2016 2. Tiến sĩ, 2023	1. Nghệ thuật học 2. LL &LSMT	
11	SGS3207	Nghệ thuật tranh in độc bản	3	1. Nguyễn Thị May 2. Nguyễn Đức Lân		1. Thạc sĩ, 2008 2. Thạc sĩ, 2010	1. Hội hoạ 2. Đồ hoạ	

12	SGS3208	Các khuynh hướng phát triển của mỹ thuật đương đại	3	1. Quách Thị Ngọc An 2. Nguyễn Thị Minh Ngọc	1. PGS, 2019	1. Tiến sĩ, 2015 2. Tiến sĩ, 2023	1. Nghệ thuật học 2. LL &LSMT	
13	SGS3209	Nghệ thuật sơn mài	3	1. Nguyễn Văn Cường 2. Phạm Minh Phong	1. PGS, 2020 2. PGS, 2021	1. Tiến sĩ, 2017 2. Tiến sĩ, 2026	1. Văn hoá học 2. Nghệ thuật học	
14	SGS3210	Các chuyên đề giáo dục nghệ thuật	2	1. Nguyễn Thị Phương Thảo 2. Nguyễn Thị Minh Ngọc	1. PGS, 2018	1. Tiến sĩ, 2015 2. Tiến sĩ, 2023	1. Văn hoá học 2. LL &LSMT	
15	SGS3211	Phương pháp kiểm tra, đánh giá trong dạy học Mỹ thuật	3	1. Nguyễn Văn Cường 2. Đào Thị Thuý Anh	1. PGS, 2020	1. Tiến sĩ, 2017 2. TS, 2018	1. Văn hoá học, 3. LL &LSMT	
16	SGS3212	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mỹ thuật	3	1. Nguyễn Thị Minh Ngọc 2. Đào Thị Thuý Anh		1. Tiến sĩ, 2023 2. Tiến sĩ, 2018	1. LL &LSMT 2. LL &LSMT	

17	SGS3213	Phương pháp dạy học chuyên ngành	3	1. Nguyễn Thị Minh Ngọc 2. Đào Thị Thuý Anh		1. Tiến sĩ, 2023 2. Tiến sĩ, 2018	1. LL &LSMT 2. LL &LSMT	
18	SGS3214	Nghệ thuật đương đại	3	1. Nguyễn Thị Minh Ngọc 2. Quách Ngọc An	2. PGS, 2019	1. Tiến sĩ, 2023 2. Tiến sĩ, 2015	1. LL &LSMT 2. LL &LSMT	
19	SGS3215	Hình họa nâng cao	3	1. Nguyễn Văn Cường 2. Phạm Minh Phong	1. PGS, 2020 2. PGS	1. Tiến sĩ, 2017 2. Tiến sĩ, 2016	1. Văn hoá học 2. Nghệ thuật học	

PHẦN X. CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU PHỤC VỤ CHO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị

TT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m)	Mã học phần	Tên học phần	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Phòng học E305, E306, E307 đầy đủ bàn ghế, 03 máy chiếu, 03 đàn, 05 điều hòa, quạt, đèn điện, mic		Phòng 85m2: 2 phòng Phòng 40m2: 1 phòng	SGS3001	Triết học	

2	Phòng học E305, E306, E307 đầy đủ bàn ghế, 03 máy chiếu, 03 đàn, 05 điều hòa, quạt, đèn điện, mic, đài, loa		Phòng 85m2: 2 phòng Phòng 40m2: 1 phòng	SGS3002	Tiếng Anh	
3	Phòng học E305, E306, E307 đầy đủ bàn ghế, 03 máy chiếu, 03 đàn, 05 điều hòa, quạt, đèn điện, mic		Phòng 85m2: 2 phòng Phòng 40m2: 1 phòng	SGS3101	Lý luận dạy học	
4	Phòng học E305, E306, E307 đầy đủ bàn ghế, 03 máy chiếu, 03 đàn, 05 điều hòa, quạt, đèn điện, mic		Phòng 85m2: 2 phòng Phòng 40m2: 1 phòng	SGS3102	Tâm lý giáo dục nghệ thuật	
5	Phòng học E305, E306, E307 đầy đủ bàn ghế, 03 máy chiếu, 03 đàn, 05 điều hòa, quạt, đèn điện, mic		Phòng 85m2: 2 phòng Phòng 40m2: 1 phòng	SGS3201	Workshop - nghiên cứu chuyên đề	
6	Phòng học E305, E306, E307 đầy đủ bàn ghế, 03		Phòng 85m2: 2 phòng Phòng 40m2: 1 phòng	SGS3202	Thực tế chuyên môn	

	máy chiếu, 03 đàn, 05 điều hòa, quạt, đèn điện, mic					
7	Phòng học E305, E306, E307 đầy đủ bàn ghế, 03 máy chiếu, 03 đàn, 05 điều hòa, quạt, đèn điện, mic		Phòng 85m2: 2 phòng Phòng 40m2: 1 phòng	SGS3203	Nghệ thuật sơn dầu	
8	Phòng thực hành, phòng học nhà B, C		Phòng 80m2: 1 phòng	SGS3204	Nghệ thuật tranh lụa	
9	Phòng thực hành, phòng học nhà B, C		Phòng 80m2: 1 phòng	SGS3205	Nghệ thuật tranh khắc	
10	Phòng thực hành, phòng học nhà B, C		Phòng 80m2: 1 phòng	SGS3206	Mỹ thuật kết nối cộng đồng	
11	Phòng học E305, E306, E307 đầy đủ bàn ghế, 03 máy chiếu, 03 đàn, 05 điều hòa, quạt, đèn điện, mic, <i>Phòng hòa nhạc</i>		Phòng 85m2: 2 phòng Phòng 40m2: 1 phòng	SGS3207	Nghệ thuật tranh in độc bản	
12	Phòng học E305, E306, E307 đầy đủ bàn ghế, 03		Phòng 85m2: 2 phòng Phòng 40m2: 1 phòng	SGS3208	Các khuynh hướng phát triển của mỹ thuật đương đại	

	máy chiếu, 03 đàn, 05 điều hòa, quạt, đèn điện, mic					
13	Phòng thực hành, phòng học nhà B, C		Phòng 40m2: 1 phòng	SGS3209	Nghệ thuật sơn mài	
14	Phòng học E305, E306, E307 đầy đủ bàn ghế, 03 máy chiếu, 03 đàn, 05 điều hòa, quạt, đèn điện, mic		Phòng 85m2: 2 phòng Phòng 40m2: 1 phòng	SGS3210	Các chuyên đề giáo dục nghệ thuật	
16	Phòng thực hành, phòng học nhà E		Phòng 40m2: 1 phòng	SGS3211	Phương pháp kiểm tra, đánh giá trong dạy học Mỹ thuật	
15	Phòng học E305, E306, E307 đầy đủ bàn ghế, 03 máy chiếu, 03 đàn, 05 điều hòa, quạt, đèn điện, mic		Phòng 85m2: 2 phòng Phòng 40m2: 1 phòng	SGS3212	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục mỹ thuật	
16	Phòng học E305, E306, E307 đầy đủ bàn ghế, 03 máy chiếu, 03 đàn, 05 điều hòa, quạt, đèn điện, mic		Phòng 85m2: 2 phòng Phòng 40m2: 1 phòng	SGS3213	Phương pháp dạy học chuyên ngành	

17	Phòng học E305, E306, E307 đầy đủ bàn ghế, 03 máy chiếu, 03 đàn, 05 điều hòa, quạt, đèn điện, mic		Phòng 85m2: 2 phòng Phòng 40m2: 1 phòng	SGS3214	Nghệ thuật đương đại	
18	Phòng học E305, E306, E307 đầy đủ bàn ghế, 03 máy chiếu, 03 đàn, 05 điều hòa, quạt, đèn điện, mic		Phòng 85m2: 2 phòng Phòng 40m2: 1 phòng	SGS3215	Hình họa nâng cao	
19	Phòng thực hành, phòng bảo vệ luận văn		Phòng 40m2: 2 phòng		Luận văn, chấm tranh	

2. Học liệu

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	SGS3001	Triết học	4	1. Học liệu bắt buộc:	1. Học liệu bắt buộc:	1. Học liệu bắt buộc:	

				- Giáo trình triết học (dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học xã hội và nhân văn không chuyên ngành triết học) 2. Học liệu tham khảo -Giáo trình Triết học	- Bộ Giáo dục và Đào tạo 2. Học liệu tham khảo -Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh -Bộ Giáo dục và Đào tạo	- NXB Đại học sư phạm, Hà Nội, 2014 2. Học liệu tham khảo -NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2013 -NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, năm 2006	
2	SGS3002	Tiếng Anh	3	1. Học liệu bắt buộc: - Solutions Pre-Intermediate (the second edition) 2. Học liệu tham khảo - New Headway re-Intermediate (The Third Edition) - Destination B1 Grammar and Vocabulary with Answer key	1. Học liệu bắt buộc: -Tim Falla, Paul A Davies 2. Học liệu tham khảo - John and Liz Soars with Sylvia Wheeldon -Malcolm Steve Taylore - Knowles	1. Học liệu bắt buộc: - Oxford University Press, 2012 2. Học liệu tham khảo - Oxford University Press, 2007 - Macmillan, 2014	

3	SGS3101	Lý luận dạy học	2	1. Học liệu bắt buộc: Lý luận dạy học hiện đại, 2. Học liệu tham khảo - Thông tư Ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông - Giáo dục học	1. Học liệu bắt buộc: Bernd Meier- Nguyễn Văn Cường. 2. Học liệu tham khảo - Bộ Giáo dục và Đào tạo (https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Thong-tu-20-2018-TT-BGDDT-quy-dinh-chuan-nghe-nghiep-giao-vien-co-so-giao-duc-pho-thong-392701.aspx) - Phạm Viết Vượng	1. Học liệu bắt buộc: NXB ĐHSP Hà Nội, 2022 2. Học liệu tham khảo - Thông tư số 20/2018/TT-BGDDT ngày 22/8/2018. - NXB ĐHSP, Hà Nội, 2017.	
4	SGS3102	Tâm lý giáo dục nghệ thuật	2	1. Học liệu bắt buộc: - <i>Giáo trình Tâm lý học Nghệ thuật</i> - <i>Tâm lý học nghệ thuật</i> 2. Học liệu tham khảo	1. Học liệu bắt buộc: - Tổng cục chính trị quân đội nhân dân Việt Nam - Vugotxki L.X 2. Học liệu tham khảo	1. Học liệu bắt buộc: - Nhà xuất bản quân đội nhân dân, 2018 - Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 1995 2. Học liệu tham khảo	

				- <i>Phân tâm học và văn học nghệ thuật,</i> - <i>Về cái tinh thần trong Nghệ thuật</i>	- Freud (Người dịch: Đỗ Lai Thúy) - Kadinsky (Người dịch: Nguyễn Hữu Tâm, Trần Vĩnh)	- NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội , 2004 - NXB Đà Nẵng, 2019	
5	SGS3201	Workshop - nghiên cứu chuyên đề	3	1. Học liệu bắt buộc: - Vấn đề giáo viên: những nghiên cứu lí luận và thực tiễn. 2. Học liệu tham khảo: - Từ nghiên cứu cơ bản đến sáng tạo nghệ thuật	1. Học liệu bắt buộc: - Trần Bá Hoành 2. Học liệu tham khảo: -Nguyễn Duy Quốc Tuấn	1. Học liệu bắt buộc: - Nxb Đại học Sư phạm, (2006). 2. Học liệu tham khảo: - Nxb ĐH Mỹ thuật Hà Nội, (2002)	
6	SGS3202	Thực tế chuyên môn	6	1. Học liệu bắt buộc: - Tìm hiểu nghệ thuật đương đại Việt Nam 2. Học liệu tham khảo: - Nghệ thuật đương đại Việt Nam 1990 – 2010	1. Học liệu bắt buộc: - Đình Gia Lê 2. Học liệu tham khảo: - Bùi Như Hương; Phạm Trung	1. Học liệu bắt buộc: - Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội (2016) 2. Học liệu tham khảo: - Nxb Tri thức, (2013).	
7	SGS3203	Nghệ thuật sơn dầu	3	1. Học liệu bắt buộc: - <i>Kỹ thuật vẽ sơn dầu</i> 2. Học liệu tham khảo:	1. Học liệu bắt buộc: - Nguyễn Đình Đăng 2. Học liệu tham khảo:	1. Học liệu bắt buộc: - Nxb Dân trí, 2018 2. Học liệu tham khảo:	

				- Hội họa sơn dầu Việt Nam. - Tranh sơn dầu của Văn Thor - Tranh sơn dầu Việt Nam	- Ban biên tập Nhà xuất bản Mỹ Thuật - Nhiều Tác Giả - Nhiều Tác Giả	- Nxb. Mỹ thuật, (2008) - Nxb. Mỹ thuật, (2002) - Nxb. Mỹ thuật, (1996)	
8	SGS3204	Nghệ thuật tranh lụa	3	1. Học liệu bắt buộc: - Nhìn – thấy – yêu – hiểu 2. Học liệu tham khảo: - Khuynh hướng phát triển của tranh lụa Việt Nam - Tranh lụa Việt Nam	1. Học liệu bắt buộc: - Nguyễn Quân 2. Học liệu tham khảo: - Nguyễn Thị Hà Hoa	1. Học liệu bắt buộc: - Nxb Thế giới (2020) 2. Học liệu tham khảo: - ĐH Mỹ thuật VN, (2007). - Nxb Mỹ thuật (1992)	
9	SGS3205	Nghệ thuật tranh khắc	3	1. Học liệu bắt buộc: - Nguyên lý hội họa đen trắng 2. Học liệu tham khảo: - Tranh khắc gỗ Việt Nam - Phùng Phẩm tranh khắc gỗ - Tranh khắc gỗ của Họa sĩ Đinh Lực	1. Học liệu bắt buộc: - Vương Hoàng Lực, Võ Mai Lý biên dịch 2. Học liệu tham khảo: - Nhiều tác giả - Phùng Phẩm - Nguyễn Đỗ Bảo tuyển chọn và giới thiệu	1. Học liệu bắt buộc: - Nxb. Mỹ thuật, (2007) 2. Học liệu tham khảo: - Nxb. Mỹ thuật, (1997) - Nxb. Văn hóa – Thông tin , (2003) - Nxb. Văn hóa, (1994)	
10	SGS3206	Mỹ thuật kết nối	3	1. Học liệu bắt buộc:	1. Học liệu bắt buộc:	1. Học liệu bắt buộc:	

		cộng đồng		- Thường ngoạn hội họa 2. Học liệu tham khảo: - Văn hóa Việt Nam nhìn từ Mỹ thuật, tập 1 - Văn hóa Việt Nam nhìn từ Mỹ thuật, tập 2	- David Piper, Lê Thanh Lộc biên dịch 2. Học liệu tham khảo: - Chu Quang Trứ - Chu Quang Trứ	- Văn hóa - Thông tin (1997) 2. Học liệu tham khảo: - Nxb 'Mĩ thuật - Viện Mĩ thuật, (2002) - Nxb 'Mĩ thuật - Viện Mĩ thuật, (2002)	
11	SGS3207	Nghệ thuật tranh in độc bản	3	1. Học liệu bắt buộc: - Tranh in độc bản – Những vấn đề lý thuyết và thực hành 2. Học liệu tham khảo: - Vận dụng kỹ thuật in độc bản trong dạy học Mỹ thuật ở trường THCS Nguyễn Bình Khiêm - Cầu Giấy - Hà Nội - Thiết kế quảng bá sự kiện "tranh in độc bản"	1. Học liệu bắt buộc: - Nguyễn nghĩa Phương 2. Học liệu tham khảo: - Nguyễn Minh Tuấn - Hoàng Thị Lương; hd: TS. Phạm Hùng Cường	1. Học liệu bắt buộc: - Nxb. Mỹ thuật, (2021) 2. Học liệu tham khảo: - ĐHSPTTW(2017) - ĐHSPTTW, (2019)	
12	SGS3208	Các khuynh hướng	3	1. Học liệu bắt buộc: - Tìm hiểu nghệ thuật đương đại	1. Học liệu bắt buộc: - Đinh Gia Lê	1. Học liệu bắt buộc: - Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà	

		phát triển của mỹ thuật đương đại		Việt Nam, 2. Học liệu tham khảo: - Mỹ thuật đương đại Việt Nam và vai trò của Curator, - 12 nghệ sĩ đương đại Việt Nam	2. Học liệu tham khảo: - Nguyễn Thành Đồng - Đào Mai Trang chủ biên	Nội (2016) 2. Học liệu tham khảo: - CĐSPNHTW, 2006 - Nxb Thế giới, 2010	
13	SGS3209	Nghệ thuật sơn mài	3	1. Học liệu bắt buộc: - Sơn mài Việt Nam 2. Học liệu tham khảo: - Hội họa sơn mài Việt Nam (Vietnamese lacquer painting) - Sơn ta và nghề sơn truyền thống Việt Nam (Kỷ yếu hội thảo)	1. Học liệu bắt buộc: - Nguyễn Đăng Quang 2. Học liệu tham khảo: - Quang Việt - Lê Thị Hoài Linh	1. Học liệu bắt buộc: - Nxb Trẻ , 1995 2. Học liệu tham khảo: - Nxb Dân trí, (2008) - Nhà xuất bản Mỹ Thuật, Hà Nội, (2002)	
14	SGS3210	Các chuyên đề giáo dục nghệ thuật	2	1. Học liệu bắt buộc: - Giáo dục nghệ thuật tạo hình giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp 2. Học liệu tham khảo:	1. Học liệu bắt buộc: - Đinh Gia Lê, Vương Trọng Đức, Phạm Minh Phong, Phạm Duy Anh 2. Học liệu tham khảo: - Đào Đăng Phụng	1. Học liệu bắt buộc: - Nxb Giáo dục Việt Nam, (2017). 2. Học liệu tham khảo:	

				- Kỹ yếu hội thảo chuyển đổi số trong giáo dục nghệ thuật - Kỹ yếu khoa học thường niên cho nghiên cứu sinh và học viên năm 2023	- Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW	- Nxb Khoa học Xã hội, (2021) - Nxb Hồng Đức, (2023)	
15	SGS3211	Phương pháp kiểm tra, đánh giá trong dạy học Mỹ thuật	3	1. Học liệu bắt buộc: - Giáo trình kiểm tra đánh giá trong giáo dục 2. Học liệu tham khảo: - Giáo dục mỹ thuật phổ thông giai đoạn giáo dục cơ bản - Vấn đề đặt câu hỏi của giáo viên đứng lớp kiểm tra, đánh giá việc học tập của học sinh	1. Học liệu bắt buộc: - Nguyễn Công Khanh chủ biên 2. Học liệu tham khảo: - Đinh Gia Lê, Vương Trọng Đức, Phạm Minh Phong, Phạm Duy Anh - Nguyễn Đình Chính	1. Học liệu bắt buộc: - Nxb Đại học Sư phạm, (2022). 2. Học liệu tham khảo: - Nxb Giáo dục Việt Nam, 2017 - Nxb Hà Nội, 1995	
16	SGS3212	Phương pháp nghiên cứu khoa	3	1. Học liệu bắt buộc: - Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	1. Học liệu bắt buộc: - Phạm Viết Vượng	1. Học liệu bắt buộc: - Nxb Giáo dục, (2000)	

		học giáo dục mỹ thuật		2. Học liệu tham khảo: - Thống kê ứng dụng trong nghiên cứu khoa học giáo dục - Phương pháp nghiên cứu khoa học - giáo dục và tâm lý	2. Học liệu tham khảo: - GS. TS. Dương Thiệu Tống - GS. TS. Dương Thiệu Tống	2. Học liệu tham khảo: - Nxb Khoa học Xã hội, (2005) - Nxb Khoa học Xã hội, (2005).	
17	SGS3213	Phương pháp dạy học chuyên ngành	3	1. Học liệu bắt buộc: - Giáo trình Lý luận và phương pháp dạy học mỹ thuật 2. Học liệu tham khảo: - Phương pháp dạy học giáo dục học - Giáo trình Phân tích tác phẩm mỹ thuật	1. Học liệu bắt buộc: - Nguyễn Thị Hồng Thắm chủ biên 2. Học liệu tham khảo: - Phan Thị Hồng Vinh - Trần Thị Tuyết Nhung chủ biên	1. Học liệu bắt buộc: - Nxb Đại học Sư phạm, (2022). 2. Học liệu tham khảo: - Nxb Đại học Sư phạm, (2010). - Nxb Đại học Sư phạm, (2021).	
18	SGS3214	Nghệ thuật đương đại	3	1. Học liệu bắt buộc: - Tìm hiểu nghệ thuật đương đại Việt Nam 2. Học liệu tham khảo:	1. Học liệu bắt buộc: - Đinh Gia Lê 2. Học liệu tham khảo: - Bùi Như Hương; Phạm Trung	1. Học liệu bắt buộc: - Nxb Giáo dục Việt Nam, (2016). 2. Học liệu tham khảo:	

				- Nghệ thuật đương đại Việt 1990-2010 - Mỹ thuật Việt Nam thế kỷ 20	- Nguyễn Quân	- Nxb Tri thức, (2013). - Nxb Tri thức, (2010)	
19	SGS3215	Hình họa nâng cao	3	1. Học liệu bắt buộc: - Nghệ thuật hội họa 2. Học liệu tham khảo: - Nghệ thuật đương đại Việt Nam 1990-2010 - Tranh sơn dầu Việt Nam	1. Học liệu bắt buộc: - 2. Học liệu tham khảo: - Bùi Như Hương, Phạm Trung - Lê Thanh Lộc dịch	1. Học liệu bắt buộc: - Nxb Trẻ, 1996 2. Học liệu tham khảo: - Nxb Tri thức, (2013) - Nxb Mỹ thuật, (1996)	
				KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH PGS.TS. Lê Vinh Hưng			